

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thiết kế cơ sở và Tổng mức đầu tư.

**Công trình: Cải tạo và nâng cấp trạm xử lý nước thải tập trung từ cột B
lên cột A KCN Nhơn Trạch III – Giai đoạn 2
công suất 7.000 m³/ngày_đêm.**

**Dự án: Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nhơn Trạch III – Giai đoạn 2
Địa điểm: xã Phước An – tỉnh Đồng Nai.**

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tín Nghĩa được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về Quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường của Chính Phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 23/GPMT-BTNMT ngày 26/01/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc cấp phép thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Nhơn Trạch



III, giai đoạn 2 có địa chỉ tại huyện Nhơn Trạch (nay là xã Phước An) tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ báo cáo số 1011/2025/TTr-TKCS-SP, ngày 10/11/2025 của Công ty TNHH Tư vấn Quản lý XD Sông Phan về việc thông báo kết quả thẩm tra thiết kế cơ sở - Tổng mức đầu tư xây dựng công trình cải tạo và nâng cấp trạm xử lý nước thải tập trung từ cột B lên cột A KCN Nhơn Trạch III Giai đoạn 2 – công suất 7.000m³/ngày_đêm;

Xét đề nghị của phòng Đầu tư Quản lý Khu công nghiệp tại văn bản số 160/ĐT ngày 01/12/2025 về việc Phê duyệt thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư, giá trị gói thầu EPC, Tư vấn đấu thầu công trình cải tạo và nâng cấp trạm xử lý nước thải tập trung từ cột B lên cột A KCN Nhơn Trạch 3 – công suất 7.000m³/ngày_đêm.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ Thiết kế cơ sở và Tổng mức đầu tư xây dựng công trình Cải tạo và nâng cấp trạm xử lý nước thải tập trung từ cột B lên cột A KCN Nhơn Trạch III – Giai đoạn 2, công suất 7.000m³/ngày_đêm thuộc Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nhơn Trạch III – Giai đoạn 2, cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nhơn Trạch III – Giai đoạn 2.
2. Tên công trình: Cải tạo và nâng cấp trạm xử lý nước thải tập trung từ cột B lên cột A KCN Nhơn Trạch III – Giai đoạn 2, công suất 7.000m³/ngày_đêm.
3. Địa điểm: xã Phước An, tỉnh Đồng Nai.
4. Chủ đầu tư: Công ty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa.
5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Môi trường ENVITOP.
6. Tổ chức tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Tư vấn Quản lý Xây dựng Sông Phan.
7. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
 - Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Nhơn Trạch III – Giai đoạn 2 được thiết kế cải tạo nâng cấp đảm bảo yêu cầu xử lý đầu ra luôn chảy ổn định và hiệu quả, đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT, cột A với (kq = 0.9; kf = 0.9).

8. Quy mô đầu tư nâng cấp và Cải tạo:

8.1. Hạng mục xây mới: Xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị mới cụm hóa lý bậc cao, công suất 7.000 m³/ngày_đêm (Theo hồ sơ thiết kế cơ sở đính kèm). Gồm:

A. HỒ GA PHÂN PHỐI - HG:

- Kích thước : 1,5m × 1,5m × 2,7 m.
- Thể tích xây dựng: 6 m³.

B. BỂ TRUNG GIAN – T501:

- Kích thước : 4,2m × 3,95m × 5m.
- Thể tích xây dựng: 83 m³.
- Chiều cao hiệu dụng: 4,5 m.

- Thể tích hiệu dụng: $74,7 \text{ m}^3$.
- Số lượng: 01 bể.
- Thời gian lưu (HRT): 15,4 phút

C. BỂ HẠ pH – T502:

- Kích thước : $4,2\text{m} \times 3,95\text{m} \times 5\text{m}$.
- Thể tích xây dựng: 83 m^3 .
- Chiều cao hiệu dụng: 4,5 m.
- Thể tích hiệu dụng: $74,7 \text{ m}^3$.
- Số lượng: 01 bể.
- Thời gian lưu (HRT): 15,4 phút

D. BỂ PHẢN ỨNG Fenton và Bể oxy hóa – T503/T504:

❖ Bể phản ứng Fenton – T503.

- Kích thước : $16,5\text{m} \times 8,2\text{m} \times 5\text{m}$.
- Thể tích xây dựng: $676,5 \text{ m}^3$.
- Chiều cao hiệu dụng: 4,5 m.
- Thể tích hiệu dụng: $608,9 \text{ m}^3$.
- Số lượng: 01 bể.

❖ Bể oxy hóa – T504.

- Kích thước : $6,5\text{m} \times 5\text{m} \times 5\text{m}$.
- Thể tích xây dựng: $162,5 \text{ m}^3$.
- Chiều cao hiệu dụng: 4,5 m.
- Thể tích hiệu dụng: $146,3 \text{ m}^3$.
- Số lượng: 01 bể.

E. BỂ TRUNG HÒA- T505:

- Kích thước : $6,5\text{m} \times 2,5\text{m} \times 5\text{m}$.
- Thể tích xây dựng: $81,3 \text{ m}^3$.
- Chiều cao hiệu dụng: 4,5 m.
- Thể tích hiệu dụng: $73,1 \text{ m}^3$.
- Số lượng: 01 bể.

F. BỂ TẠO BÔNG – T506:

- Kích thước : $6,5\text{m} \times 6,1\text{m} \times 5\text{m}$.
- Thể tích xây dựng: $198,3 \text{ m}^3$.
- Chiều cao hiệu dụng: 4,5 m.
- Thể tích hiệu dụng: $178,4 \text{ m}^3$.
- Số lượng: 01 bể.

G. BỂ LẮNG HÓA LÝ 2 – T507A:

- Kích thước : $14,2\text{m} \times 14,2\text{m} \times 5\text{m}$.
- Thể tích xây dựng: $1.008,2 \text{ m}^3$.



- Chiều cao hiệu dụng: 4,5 m.
- Thể tích hiệu dụng: 907,38 m³.
- Số lượng: 01 bể.

H. NGĂN THU BÙN HÓA LÝ 2 – T507B.

- Kích thước: 1,75m × 1,75m × 5m.
- Thể tích xây dựng: 15,3 m³.
- Chiều cao hiệu dụng: 4,5 m.
- Thể tích hiệu dụng: 13,8 m².
- Số lượng: 01 bể.

I. NHÀ HÓA CHẤT – N01.

- Kích thước: 7,6m × 4m × 5m.
- Mái tôn.

J. NHÀ HÓA CHẤT – N02.

- Kích thước: 13,7m × 4m × 5m.
- Mái tôn.

6.1. Hạng mục cải tạo: Xây dựng mới bể Anoxic cho Module 1 và Module 2 và cải tạo mở rộng bể Anoxic cho Module 3. Đồng thời thay thế và bổ sung các thiết bị cho Module 1, Module 2, Module 3.

A.CẢI TẠO HỆ THỐNG MODULE 1 – CÔNG SUẤT 2.000 m³/ngày_đêm:

- Xây dựng, cung cấp lắp đặt thiết bị mới bể thiếu khí Anoxic module 1:
 - + Kích thước: 15,3m × 6,3m x 4,5m.
 - + Thể tích xây dựng: 433,7 m³.
 - + Chiều cao hiệu dụng: 4,0 m.
 - + Thể tích hiệu dụng: 395,0 m³.
 - + Số lượng: 01 bể.
- Cải tạo và lắp đặt bổ sung thiết bị công nghệ cho Bể Arotank hiện hữu.

B.CẢI TẠO HỆ THỐNG MODULE 2 – CÔNG SUẤT 2.000 m³/ngày_đêm:

- Xây dựng, cung cấp lắp đặt thiết bị mới bể thiếu khí Anoxic module 2:
 - + Kích thước: 15,3m × 6,3m x 4,5m.
 - + Thể tích xây dựng: 433,7 m³.
 - + Chiều cao hiệu dụng: 4,0 m.
 - + Thể tích hiệu dụng: 395,0 m³.
 - + Số lượng: 01 bể.
- Cải tạo và lắp đặt bổ sung thiết bị công nghệ cho Bể hiếu khí Arotank hiện hữu.

C.CẢI TẠO HỆ THỐNG MODULE 3 – CÔNG SUẤT 3.000 m³/ngày_đêm:

- Mở rộng bể thiếu khí Anoxic hiện hữu Module 3 cụ thể:
 - + Kích thước: 02 bể hiện hữu 6,9m x 6,8m x 4,0 mở rộng thêm 02 bể kích thước 5,7m x 6,8m x 4,0m.
 - + Thể tích xây dựng: 685,3 m³.

- + Chiều cao hiệu dụng: 3,5 m.
 - + Thể tích hiệu dụng: 599,7 m³.
 - + Số lượng: 04 bể.
 - Cải tạo và lắp đặt bổ sung thiết bị công nghệ cho Bể Arotank hiện hữu.
9. Loại, cấp công trình:
- Loại công trình: công trình Hạ tầng kỹ thuật.
 - Cấp công trình: cấp III.
10. Số bước thiết kế: 02 bước.
11. Phương án xây dựng:
- Chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị thi công chuyên ngành thực hiện.
12. Thiết bị công nghệ (nếu có): Theo hồ sơ thuyết minh công nghệ.
13. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có): không có.
14. Tổng mức đầu tư của dự án (đã bao gồm VAT): **44.586.027.000 đồng.**

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ VNĐ (SAU THUẾ)
1	Chi phí Xây dựng	10.335.940.747
2	Chi phí thiết bị công nghệ	23.568.431.131
3	Chi phí Quản lý dự án	640.385.776
4	Chi phí Tư vấn ĐTXD	1.117.929.950
5	Chi phí khác	4.864.120.065
6	Chi phí dự phòng	4.059.219.369
TỔNG CỘNG (làm tròn)		44.586.027.000

15. Nguồn vốn đầu tư: vốn tự có và vốn vay.
16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tự quản lý dự án hoặc thuê đơn vị tư vấn.
17. Thời gian thực hiện dự án: 12 tháng.

Điều 2. Các Ông/Bà: Kế toán trưởng, Giám Đầu tư Quản lý các KCN Tín Nghĩa, và các Phòng, Ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- HĐQT (báo cáo);
- Ban Tổng Giám đốc;
- Lưu VT.

- BKS (b/c)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Cần

Me

**TỔNG
CÔNG TY
TÍN NGHĨA**

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG
M.S.D.N. 360028351

Trần Trung Tuấn

